

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **300/2023/DS-ST**

Ngày: 25/9/2023.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Văn Công Minh.
2. Bà Trần Thanh Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2023/TLST-DS ngày 08/02/2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1376/2023/QĐXXST-DS ngày 21/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1424/2023/QĐST-DS ngày 07/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.**

Địa chỉ: **2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn: Ông **Thân Lê N**, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt). Địa chỉ: **5 Đường B, Khu A, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

(Theo giấy uỷ quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của **Ngân hàng TMCP S1** và Giấy uỷ quyền số 1083/2022/UQ-TGD ngày 26/12/2022 của Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản **Ngân hàng TMCP S1**).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Từ Minh S**, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **I tổ A, ấp C, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 trình bày tại Đơn khởi kiện ngày 11/01/2023, các bản tự khai ngày 13/02/2023, 04/4/2023, 09/5/2023 và 25/9/2023:**

Ngày 16/3/2020, ông **Nguyễn Từ Minh S** có ký với **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông S, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Platinum (số thẻ 436438 – 6936) với hạn mức sử dụng là 30.000.000đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.000.000đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.500.000đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông S vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/12/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn tại điểm này là 32.681.636đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,6%/tháng (= Lãi suất trong hạn 2,4%/tháng x 150%). (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 25/9/2023, ông S còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ gốc là: 32.681.636 đồng.
- Lãi quá hạn là: 40.159.232 đồng.
- Tổng cộng là: 72.840.868đồng.

(Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, tám trăm sáu mươi tám đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông S có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Từ Minh S phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 25/9/2023 là 72.840.86đồng (Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, tám trăm sáu mươi tám đồng) trong đó: Dư nợ gốc là: 32.681.636đồng và L quá hạn là: 40.159.232đồng.

2. Ông Nguyễn Từ Minh S có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/9/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Từ Minh S vắng mặt, không có lời trình bày.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có bản tự khai ngày 25/9/2023.

Các đương sự không có thỏa thuận gì với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm

là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn đã không có mặt đầy đủ theo sự triệu tập của Tòa án là vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đề nghị Tòa án căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn có trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng đã ký kết với nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông **Nguyễn Từ Minh S** có nghĩa vụ hoàn trả ngay toàn bộ số nợ tính đến hết ngày 25/9/2023 số tiền 72.840.868 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2023 cho đến khi trả dứt nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 16/3/2020. Hội đồng xét xử xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông **Nguyễn Từ Minh S** có địa chỉ thường trú tại **xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh**. Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định như sau:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 là người khởi kiện, tham gia với tư cách là nguyên đơn. Ông **Nguyễn Từ Minh S** tham gia với tư cách là bị đơn.

Đối với việc vắng mặt của ông **Nguyễn Từ Minh S**, xét thấy: Ngày 16/3/2020 giữa ông **Nguyễn Từ Minh S** và **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1** có phát sinh quan hệ giao dịch dân sự là hợp đồng tín dụng, trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Ông **Nguyễn Từ Minh S** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đương sự vẫn vắng mặt nhiều lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 16/3/2020, ông **Nguyễn Từ Minh S** có ký với **Ngân hàng TMCP S1** (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Sau đó ông **S** được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng Visa Platinum (số thẻ 436438 – 6936) với hạn mức sử dụng là 30.000.000đồng, sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Kể từ ngày kích hoạt thẻ, ông **S** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.000.000đồng nhưng ông **S** chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.500.000đồng. Ngoài ra, ông **S** không thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền nào khác.

Do ông **S** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/12/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn tại điểm này là 32.681.636đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là phù hợp. Tính đến ngày 25/9/2023, ông **S** còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ gốc là: 32.681.636đồng.
- Lãi quá hạn là: 40.159.232đồng.
- Tổng cộng là: 72.840.868đồng (Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, tám trăm sáu mươi tám đồng).

Với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông **Nguyễn Từ Minh S** có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP S1** số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 25/9/2023 với tổng số tiền là: 72.840.868đồng (Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, tám trăm sáu mươi tám đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2023 cho đến khi ông **S** trả dứt nợ. Trong đó: Dư nợ gốc: 32.681.636 đồng, **L** quá hạn: 40.159.232 đồng.

Về phương thức thanh toán: Do ông **Nguyễn Từ Minh S** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp và hoạt động tín dụng của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông **Nguyễn Từ Minh S** phải có trách nhiệm thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 68; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận do Ngân hàng N1 ban hành;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Từ Minh S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền tính đến hết ngày 25/9/2023 là: 72.840.868 đồng (Bảy mươi hai triệu tám trăm bốn mươi ngàn tám trăm sáu mươi tám đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Trong đó: nợ gốc là 32.681.636 đồng và lãi quá hạn là: 40.159.232 đồng.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 16/3/2020, bị đơn ông Nguyễn Từ Minh S phải trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông S phải tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc kể từ ngày 26/9/2023 cho đến khi thực trả hết nợ gốc với mức lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Từ Minh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.642.043 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn không trăm bốn mươi ba đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.547.476 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn bốn trăm bảy mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0014648 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thành Ngọc